

Số: 97 /BC-UBND

Gia Lai, ngày 97 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

**Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc,
tín ngưỡng, tôn giáo năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Kính gửi: Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Thực hiện Công văn số 2332/BDTTG-PC ngày 16/10/2024 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc báo cáo kết quả tổ chức thi hành pháp luật năm 2025; UBND tỉnh Gia Lai báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo năm 2025, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong công tác dân tộc năm 2025

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC

1. Những ưu điểm và kết quả đạt được

a) Về việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

- Việc ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 07/5/2025 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

- Việc hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật: Phân công Sở Tư pháp là cơ quan đầu mối, các sở, ngành phối hợp thực hiện; đã chỉ đạo Sở Tư pháp ban hành văn bản hướng dẫn các sở, ngành, địa phương xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật (Văn bản số 426/STP-NV1 ngày 12/8/2025);

- Việc kiểm tra, thực hiện chế độ báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

b) Về các điều kiện bảo đảm cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

- Tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật: Đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế, theo dõi thi hành pháp luật của các sở, ngành, đặc biệt là Sở Dân tộc và Tôn giáo

còn mỏng; Chưa có đầu mối thống nhất hoặc mạng lưới cộng tác viên pháp luật vùng đồng bào dân tộc thiểu số để hỗ trợ việc nắm bắt, phản ánh tình hình thi hành pháp luật tại cơ sở. Kinh phí thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật chủ yếu lồng ghép trong nguồn kinh phí hoạt động chung của Sở và trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chưa có mục chi riêng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc tuy cơ bản đáp ứng nhưng chưa có phần mềm hoặc cơ sở dữ liệu điện tử chuyên dùng phục vụ theo dõi, tổng hợp, thống kê thi hành pháp luật;

- Công tác phổ biến, tập huấn, hướng dẫn về nghiệp vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật: Các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, hướng dẫn của Trung ương và UBND tỉnh về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật đã được phổ biến đến các sở, ban, ngành, cấp xã; Thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề về tình hình thi hành pháp luật. Nhìn chung, công tác phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ được triển khai nghiêm túc, góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Về việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

- Hạn chế: Do ảnh hưởng của quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy mới, một số nội dung phải điều chỉnh sau khi hợp nhất; Kinh phí dành cho hoạt động theo dõi thi hành pháp luật còn hạn chế, chủ yếu lồng ghép trong các hoạt động khác nên chưa bảo đảm cho việc khảo sát, kiểm tra thực địa;

- Nguyên nhân: các cơ quan, đơn vị mới thành lập sau sắp xếp, khối lượng công việc lớn, trong khi đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế, theo dõi thi hành pháp luật còn mỏng.

b) Về các điều kiện bảo đảm cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

- Hạn chế: Sau khi sắp xếp tổ chức, đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương kiện toàn bộ phận chuyên trách theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo. Tuy nhiên, số lượng cán bộ chuyên trách còn ít (chỉ từ 1-2 người kiêm nhiệm); Cơ chế phối hợp chưa thật sự đồng bộ, nhất là trong việc chia sẻ dữ liệu, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách dân tộc có liên quan đến pháp luật hiện hành;

- Nguyên nhân: Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy mới (hợp nhất Sở Dân tộc và Ban Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ thành Sở Dân tộc và Tôn giáo) làm thay đổi cơ cấu, phân công, dẫn đến gián đoạn tạm thời trong công tác quản lý và theo dõi pháp luật. Đội ngũ cán bộ pháp chế và theo dõi thi hành pháp luật chưa được đào tạo bài bản về kỹ năng thống kê, phân tích và đánh giá kết quả thi hành pháp luật.

II. KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ THI HÀNH PHÁP LUẬT LĨNH VỰC TRỌNG TÂM

1. Việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành chính sách, pháp

luật về hợp tác, liên kết bảo vệ và phát triển rừng của đồng bào dân tộc thiểu số, cộng đồng dân cư gắn với chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới

Căn cứ các quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017, các nghị định của Chính phủ và thông tư hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành liên quan rà soát, cụ thể hóa các chính sách về hợp tác, liên kết trong bảo vệ và phát triển rừng phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; Hướng dẫn lồng ghép nội dung bảo vệ rừng với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Chính sách giao rừng, khoán bảo vệ rừng đã góp phần tăng cường vai trò chủ thể của đồng bào dân tộc thiểu số, khuyến khích cộng đồng tham gia bảo vệ tài nguyên rừng. Nhiều mô hình hợp tác, liên kết được hình thành, như: cộng đồng dân cư nhận khoán bảo vệ rừng kết hợp trồng cây dược liệu, trồng rừng gỗ lớn, du lịch sinh thái cộng đồng.

Các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương hướng dẫn thi hành các luật, nghị định liên quan đến công tác dân tộc cơ bản được ban hành đầy đủ, kịp thời, tạo thuận lợi cho địa phương trong tổ chức thực hiện. Một số văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Căn cước (sửa đổi)... được ban hành tương đối đồng bộ.

2. Việc bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

a) Kết quả thi hành chính sách, pháp luật về “Hợp tác, liên kết bảo vệ và phát triển rừng của đồng bào dân tộc thiểu số, cộng đồng dân cư gắn với chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới”

- Trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ cho đối tượng là hộ nông dân tại các vùng miền núi, biên giới và vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn: Hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao; Tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, khai thác bền vững; Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư chuỗi “trồng - chế biến - tiêu thụ” tại vùng DTTS.... Nhằm góp phần tăng độ che phủ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học; Giảm sức ép khai thác rừng tự nhiên, góp phần giảm nghèo bền vững và ổn định xã hội vùng biên giới, vùng DTTS;

- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng có trồng bổ sung đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên cho đối tượng là hộ gia đình, cộng đồng dân cư tại các vùng miền núi, biên giới và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Giao khoán rừng và đất rừng cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư tại các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào DTTS để bảo vệ rừng, khoanh nuôi và trồng bổ sung tái sinh rừng tự nhiên; Tạo sinh kế ổn định, nâng cao thu nhập cho người dân, gắn với trách nhiệm quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng; Tăng độ che phủ rừng, phục hồi các khu rừng bị suy thoái, bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học;

- Hỗ trợ phát triển sinh kế, cải thiện đời sống người dân vùng đệm của các

khu rừng đặc dụng và rừng phòng hộ: Nhằm cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người dân sinh sống hợp pháp trong vùng đệm của các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; Giảm áp lực lên tài nguyên rừng thông qua phát triển sinh kế thay thế, đa dạng hóa nguồn thu nhập và tăng cường đồng quản lý rừng với cộng đồng; Góp phần bảo vệ, phát triển bền vững hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, và ổn định an ninh - xã hội vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa;

- Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình nghèo tại các vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn tham gia trồng rừng sản xuất được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định hiện hành: Các hoạt động được triển khai đồng bộ, đúng đối tượng, kịp thời và đạt hiệu quả thiết thực; Người dân đã chủ động hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng và sử dụng vốn đúng mục đích; Mô hình trồng rừng sản xuất gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội rõ nét, góp phần giảm nghèo và bảo vệ môi trường.

b) Đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; tính phù hợp về tổ chức bộ máy, mức độ đáp ứng nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí cho thi hành pháp luật

Trong năm 2025, đã chỉ đạo các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh phối hợp với các địa phương tổ chức nhiều lớp tập huấn, hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác dân tộc, tôn giáo, bảo vệ và phát triển rừng, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Các lớp tập huấn tập trung vào các nội dung như: Luật Thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Luật Lâm nghiệp, Luật Đất đai (sửa đổi), Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, và các văn bản hướng dẫn thi hành. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số. Chỉ đạo kiện toàn đội ngũ cán bộ phụ trách theo dõi công tác pháp chế, kiểm tra văn bản và thi hành pháp luật; Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cơ bản đáp ứng yêu cầu.

3. Việc tuân thủ chính sách, pháp luật về hợp tác, liên kết bảo vệ và phát triển rừng của đồng bào dân tộc thiểu số, cộng đồng dân cư gắn với chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực công tác dân tộc năm 2025, bảo đảm bám sát hướng dẫn của Bộ Tư pháp và Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ Dân tộc và Tôn giáo); Ban hành các văn bản hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chính sách dân tộc, các chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Triển khai các hội nghị, lớp tập huấn phổ biến pháp luật về chính sách dân tộc, tín dụng chính sách, bảo vệ rừng, bình đẳng giới, phòng chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cho cán bộ, người có uy tín và đồng bào dân tộc thiểu số. tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về đất đai, bảo vệ rừng, tín dụng chính sách, bình đẳng giới, hôn nhân gia đình và các chính sách dân tộc tại các địa phương theo quy định. Thực hiện kiểm tra, rà soát việc thực hiện chính sách hỗ trợ sinh kế, phát triển sản

xuất, bảo vệ và phát triển rừng theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, kịp thời phát hiện và kiến nghị tháo gỡ khó khăn trong thực hiện. Giám sát, đôn đốc các địa phương trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục tiêu, công khai và minh bạch. Tiếp nhận và xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị của công dân liên quan đến chính sách dân tộc, tôn giáo, đất đai, tín dụng chính sách (nếu có), không để xảy ra điểm nóng, vụ việc phức tạp kéo dài liên quan đến lĩnh vực dân tộc và tôn giáo trên địa bàn.

Trong năm 2025, các cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã chủ động tổ chức thực hiện các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi một cách kịp thời, đồng bộ và phù hợp với tình hình thực tế địa phương. Các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo được ban hành đúng thời hạn, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với các quy định hiện hành của Trung ương. Nhiều chương trình, dự án như Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng, tín dụng ưu đãi cho hộ dân trồng rừng sản xuất... được triển khai sớm, có hướng dẫn cụ thể, rõ đối tượng và phạm vi áp dụng. Các địa phương đã chủ động ban hành kế hoạch, phân công cán bộ phụ trách lĩnh vực pháp luật, góp phần bảo đảm tính kịp thời và đầy đủ trong việc thi hành pháp luật tại cơ sở.

4. Nhận định chung về kết quả theo dõi, đánh giá thi hành pháp luật về hợp tác, liên kết bảo vệ và phát triển rừng của đồng bào dân tộc thiểu số, cộng đồng dân cư gắn với chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới

a) Về tác động tích cực

Góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Việc thực hiện các chính sách pháp luật về hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, tín dụng ưu đãi, bảo vệ và phát triển rừng... đã giúp người dân có thêm sinh kế, giảm nghèo bền vững, cải thiện rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần. Tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước: Nhờ triển khai kịp thời các quy định pháp luật liên quan đến chính sách dân tộc, người dân, đặc biệt là đồng bào DTTS, ngày càng tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, tích cực tham gia các phong trào phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Việc thi hành nghiêm các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực dân tộc và tôn giáo đã tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, giúp các cấp chính quyền chủ động trong điều hành, quản lý, ngăn ngừa vi phạm và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Các quy định về bảo vệ rừng, khoán quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ được thực hiện hiệu quả, vừa bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, vừa tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người dân.

Nhiều quy định pháp luật về bình đẳng giới, giáo dục, y tế, bảo hiểm xã hội, dân số và kế hoạch hóa gia đình được triển khai đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giảm tảo hôn và hôn nhân cận huyết.

Các quy định pháp luật về tôn giáo, biên giới, an ninh nông thôn được thực hiện nghiêm túc, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị và an ninh vùng biên giới.

b) Về mặt hạn chế

Việc thi hành pháp luật ở cơ sở chưa đồng bộ, do năng lực cán bộ, điều kiện địa lý và cơ sở hạ tầng còn hạn chế, dẫn đến một số chính sách đến với người dân chậm hoặc không đúng đối tượng.

Tác động chưa đều giữa các khu vực, vùng trung tâm, vùng có điều kiện thuận lợi được thụ hưởng nhiều hơn so với vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, làm gia tăng khoảng cách phát triển giữa các khu vực trong tỉnh.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Tăng cường nguồn lực cho các Chương trình mục tiêu quốc gia (giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, xây dựng nông thôn mới) để triển khai các dự án về hạ tầng thiết yếu, sinh kế, giáo dục, y tế và chuyển đổi số;

- Ban hành cơ chế, chính sách đặc thù cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo ở cấp cơ sở, như phụ cấp trách nhiệm, chế độ đào tạo, bồi dưỡng, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả thi hành pháp luật trong thực tiễn;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác thi hành pháp luật, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về thi hành pháp luật và công tác dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống kê, báo cáo, chia sẻ thông tin giữa các cấp, ngành;

- Tiếp tục quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu (đường giao thông, điện, nước, viễn thông, trường học, trạm y tế) tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai và thực thi pháp luật ở cơ sở;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật vùng đồng bào DTTS, trong đó đề nghị Chính phủ chỉ đạo biên soạn tài liệu pháp luật bằng tiếng dân tộc thiểu số và hỗ trợ kinh phí cho hoạt động truyền thông pháp luật qua các phương tiện địa phương.

2. Đối với các Bộ, ngành Trung ương

- Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai các chính sách dân tộc; kịp thời tham mưu Chính phủ sửa đổi, bổ sung các quy định còn chồng chéo, chưa thống nhất giữa các văn bản liên quan đến chính sách dân tộc, tôn giáo và phát triển vùng đồng bào DTTS;

- Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác dân tộc các cấp, đặc biệt là kỹ năng theo dõi, đánh giá, tổng hợp thi hành pháp luật và xây dựng báo cáo chuyên đề;

- Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra chuyên đề về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật ở các tỉnh miền núi, vùng đồng bào DTTS; kịp thời tổng hợp, đề xuất Chính phủ có giải pháp tháo gỡ những khó khăn trong thực tiễn thi hành;
- Hướng dẫn cơ chế lồng ghép kinh phí thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tuyên truyền chính sách dân tộc vào các chương trình, dự án có liên quan.

Phần thứ hai

Về tổ chức thi hành pháp luật trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

- Việc ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tổ chức thi hành pháp luật: Đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương đôn đốc, hướng dẫn công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn về công tác quản lý hoạt động tôn giáo trong dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ và Lễ hội Xuân năm 2025; chỉ đạo về công tác tôn giáo nhân dịp Lễ Phục sinh, Đại lễ Phật đản, An cư Kiết hạ, Vu lan Báo hiếu năm 2025; Quyết định công bố Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở...;

- Việc ban hành các Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật: Đã ban hành Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 26/02/2025 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo năm 2025; Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 07/5/2025 theo dõi tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

- Việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ nêu tại kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật: Đã chỉ đạo Sở Dân tộc và Tôn giáo, chính quyền các địa phương luôn bám sát các nội dung của các kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng trên địa bàn đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế tôn giáo.

II. TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

1. Kết quả đạt được trong tổ chức thi hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo

a) Việc thực hiện các nội dung tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo

- UBND tỉnh đã ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Nghị định số 95/2023/NĐ-CP, Nghị định số 124/2025/NĐ-CP và các văn bản có liên quan

trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo¹;

- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo: Tổ chức 04 Hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho 700 chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tổ chức tôn giáo trên địa bàn tỉnh²; ngoài ra, phối hợp với Ban Tôn giáo Chính Phủ tổ chức 01 lớp tập huấn về pháp luật đất đai, môi trường và biến đổi khí hậu cho 200 chức sắc, chức việc các tôn giáo trên địa bàn tỉnh Bình Định (cũ); tổ chức 02 lớp tập huấn về Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản mới ban hành³ cho cán bộ, công chức cấp xã lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, kết quả có 224 cán bộ, công chức của 135 xã, phường tham dự;

- Chỉ đạo các sở, ban ngành phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong công tác nắm tình hình, hướng dẫn hoạt động của các tổ chức, chức sắc tôn giáo, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở, không để xảy ra điểm nóng.

b) Việc thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo: Hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.

c) Tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành văn bản pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và tính chính xác, thống nhất trong áp dụng văn bản quy phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo: Việc thi hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền luôn đảm bảo kịp thời, đầy đủ, đúng theo quy định.

Đối với ***d) Mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân:*** Những vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, các cơ quan, tổ chức, cá nhân cơ bản thực hiện đúng quy định của pháp luật; tuy nhiên tại một số ít địa phương vẫn xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật liên quan lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo như: Xây dựng cơ sở tôn giáo trái phép; tổ chức một số hoạt động tôn giáo chưa đúng theo quy định....

đ) Việc bảo đảm các điều kiện về nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất cho tổ chức thi hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo: Cơ bản đáp ứng yêu cầu; tuy

¹ Số 375/QĐ-UBND ngày 21/4/2025 Về việc công bố Danh mục gồm 58 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Số 655/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực công tác dân tộc; tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh và cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Số 876/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên thông, không liên thông cấp tỉnh, cấp xã trong lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo; Công tác dân tộc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo; Số 1745/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 Thông qua Phương án cắt giảm thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuộc phạm vi, trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Số 1955/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 Công bố Danh mục 01 thủ tục hành chính ban hành mới, 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo; Số 2203/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 02 thủ tục hành chính liên thông trong lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo

² Kế hoạch số 16/KH-SDTTG, ngày 28/4/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo về tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tổ chức tôn giáo trên địa bàn tỉnh Bình Định (cũ) năm 2025; Kế hoạch số 07/KH-SDTTG, ngày 19/8/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo về tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo và người đại diện/ban quản lý các cơ sở tín ngưỡng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (cũ).

³ Kế hoạch số 01/KH-SDTTG ngày 15/7/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã năm 2025 (lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo).

nhiên cán bộ, công chức làm tôn giáo cấp xã hầu hết đều mới nên việc thực hiện nhiệm vụ được giao còn hạn chế nhất định; kinh phí cho công tác tranh thủ chức sắc, chức việc còn hạn chế.

2. Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo

- Thực hiện quy định của Luật, Nghị định về tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản QPPL có liên quan, chính quyền các cấp đã tạo điều kiện, quan tâm giải quyết kịp thời, theo thẩm quyền, phù hợp quy định của pháp luật đối với các nhu cầu chính đáng của tổ chức, cá nhân tôn giáo;

- Việc thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo được đảm bảo theo quy định. Tiếp nhận và giải quyết đúng hạn 100% hồ sơ liên quan đến hoạt động tôn giáo; không phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo; Chỉ đạo Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp thực hiện: Chấp thuận bổ nhiệm, suy cử, bầu cử, thuyên chuyển, bãi nhiệm chức sắc, chức việc, nhà tu hành của các tổ chức tôn giáo theo quy định. Hỗ trợ kinh phí để Hội thánh Cao Đài Cầu Kho Tam Quan tổ chức Đại hội Đại biểu Nhơn sanh toàn phái nhiệm kỳ 2025-2030; Chấp thuận thành lập các tổ chức tôn giáo trực thuộc như: Ban Quản trị các chùa Quang Phước, Cảnh An, Cát Thắng; Giáo xứ Thịnh Văn, thôn Thịnh Văn, xã Vân Canh; Họ đạo Nhơn Lý, thôn Lý Chánh, phường Quy Nhơn Đông; (5) Hướng dẫn, thẩm định và tham mưu giải quyết các thủ tục về đất đai, xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự: chùa Minh Đức (Tây Sơn), chùa Tịnh Lâm (Phù Cát), chùa Phước Lộc, Tịnh Quang (Phù Mỹ), Dòng Mến Thánh Giá Quy Nhơn, Giáo xứ La Sơn (Ia Băng), Giáo xứ Thánh Tâm (phường Pleiku), Giáo họ Thác Đá Thượng, chi hội Tin lành Dung Rơ (xã Kon Gang). Kết quả cụ thể: Đã tham mưu chấp thuận thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc: 06 trường hợp; Diện tích đất giao mới cho tổ chức tôn giáo trực thuộc: 7.656,75 m²; Tổ chức tôn giáo trực thuộc xây dựng công trình/cơ sở tôn giáo: 04 trường hợp; Chấp thuận người được bổ nhiệm, bầu cử làm chức việc: 75 trường hợp; Tiếp nhận thông báo kết quả người được bổ nhiệm làm chức việc: 49 trường hợp; Tiếp nhận thông báo thuyên chuyển chức sắc: 89 trường hợp; Tiếp nhận thông báo bãi nhiệm chức việc: 08 trường hợp; Tiếp nhận thông báo kết quả người được bổ nhiệm chức việc: 05 trường hợp; Tiếp nhận thông báo phong phẩm: 07 trường hợp; Chấp thuận mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo: 03 trường hợp;

- Các hoạt động xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo đều được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng theo quy định của pháp luật. Các vấn đề liên quan đến đất đai tôn giáo được cấp chính quyền tập trung xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật, tạo được sự đồng thuận trong chức sắc, chức việc, tín đồ và nhân dân địa phương;

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số người tin theo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Tin lành Đền ga, Thanh Hải vô thượng sư, Pháp luân công...; chính quyền địa phương tăng cường theo dõi, quản lý các hoạt động này, không để phát triển hay gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự.

3. Đánh giá hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

3.1. Về các quy định của pháp luật

a) Các quy định của Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016 và các văn bản hướng dẫn hiện hành chưa kịp thời được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

b) Việc triển khai Nghị định 124/2025/NĐ-CP bước đầu còn gặp lúng túng, nhất là trong phân định thẩm quyền giữa UBND tỉnh và cơ quan chuyên môn về tiếp nhận, giải quyết các hoạt động tôn giáo thông thường (hội nghị, đại hội, lễ nghi, giảng đạo). Thiếu các văn bản hướng dẫn cụ thể từ cấp trên. Một số văn bản hướng dẫn lại ban hành gấp, yêu cầu báo cáo nhiều nội dung phức tạp trong thời gian ngắn, gây áp lực và khó khăn cho địa phương. Cụ thể:

(1) Tại Chương IV, Mục 2 Nghị định 124 về Phân định thẩm quyền trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo:

- Một số quy định tại Nghị định: thẩm quyền giải quyết theo Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 thuộc cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh (nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo), nay Nghị định điều chỉnh thành thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là chưa phù hợp với việc phân cấp, phân quyền; thực tế thời gian qua cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh giải quyết tốt các nhu cầu này, chưa gặp khó khăn, vướng mắc hay ý kiến phản ánh từ tổ chức, cá nhân tôn giáo. Việc Nghị định 124 nâng thẩm quyền xem xét từ cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh lên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là không cần thiết và chưa phù hợp, cụ thể:

- Tiếp nhận thông báo danh mục hoạt động tôn giáo theo khoản 1, Điều 43 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (điểm b khoản 1 Điều 16);

- Tiếp nhận văn bản thông báo tổ chức hội nghị của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc theo khoản 1 Điều 44 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (điểm b khoản 1 Điều 17);

- Chấp thuận tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo theo khoản 3, Điều 45 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (điểm b khoản 1 Điều 18);

- Chấp thuận tổ chức cuộc lễ, giảng đạo ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp theo khoản 3 Điều 46 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (điểm b khoản 1 Điều 19).

(2) Tại Mục VI, Phụ lục II Nghị định 124 về Cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính:

Một số nội dung tại khoản 5 (Mẫu B26), khoản 6 (Mẫu B30), khoản 8 (Mẫu B31), khoản 9 (Mẫu B33), khoản 10 (Mẫu B34), khoản 11 (Mẫu B35), khoản 13 (Mẫu B42) sửa đổi bổ sung nơi tiếp nhận để giải quyết hồ sơ là cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh mâu thuẫn với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 4; điểm b khoản 1 Điều 16; điểm b khoản 1 Điều 17; điểm b khoản 1 Điều 18; điểm b khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 6 là Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đồng thời, các nội dung tại khoản 9 (Mẫu B33), khoản 10 (Mẫu B34), khoản 11 (Mẫu B35), khoản 13 (Mẫu B42) quy định nơi tiếp nhận để giải quyết hồ sơ là cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh chưa thống

nhất theo các biểu mẫu tại Quyết định 364/QĐ-BDTTG ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo là Ủy ban nhân dân tỉnh.

Việc không thống nhất về các nội dung trong biểu mẫu đã gây khó khăn cho địa phương trong việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân tôn giáo thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

(3) Quyết định số 364/QĐ-BDTTG ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo:

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định 95/2023/NĐ-CP quy định về nghĩa vụ tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc phải thực hiện như: Thông báo truyền chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành; thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung, thông báo phong phẩm, bãi hiệm...

Tuy nhiên, tại Quyết định số 364/QĐ-BDTTG ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo đã bãi bỏ nhiều thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, trong đó có các thủ tục hành chính nêu trên. Theo đó các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc sẽ không tiếp tục gửi các thông báo trên đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật. Điều này đã gây khó khăn trong việc quản lý chức sắc, chức việc các tôn giáo tại địa phương.

3.2. Về tổ chức bộ máy và số lượng cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo

Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, tổ chức bộ máy và đội ngũ CBCC làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo được kiện toàn và tinh gọn. Tuy nhiên, vẫn còn gặp những khó khăn nhất định như: Khối lượng công việc của cấp xã hiện nay tương đối nhiều, trong khi đội ngũ CBCC làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo cấp xã đa số là mới, chưa có kinh nghiệm. Do đó, gặp những khó khăn trong công tác nắm tình hình, phân loại, tham mưu, quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

4. Nhận định chung về kết quả theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật

Nhìn chung trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt việc theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật theo đúng các quy định pháp luật và tình hình thực tế tôn giáo tại địa phương.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Cơ quan có thẩm quyền sớm sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 phù hợp với việc thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay, đảm bảo phù hợp với các nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Nghị định 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Ban Tôn giáo Chính phủ thường xuyên tổ chức các hội nghị tuyên truyền phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; trong đó, quan tâm đến việc tổ chức hội

ngiht chuyên đề, hướng dẫn nghiệp vụ để các địa phương thống nhất, để thực hiện trong quá trình áp dụng quy định của pháp luật vào thực tiễn.

3. Cơ quan có thẩm quyền sớm sửa đổi Quyết định số 10/1014/QĐ-TTg ngày 24/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc tôn giáo hoạt động tại Việt Nam.

Trên đây là Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo năm 2025 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Gia Lai kính báo cáo Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo dõi, tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT Dương Mah Tiệp;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, C4.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Mah Tiệp

PHỤ LỤC 01

TÌNH HÌNH THI HÀNH CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ HỢP TÁC, LIÊN KẾT BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ GẦN VỚI CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo	Ghi chú
1	Trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ cho đối tượng là hộ nông dân tại các vùng miền núi, biên giới, hải đảo và vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn	40 ha	
2	Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng có trồng bổ sung đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên cho đối tượng là hộ gia đình, cộng đồng dân cư tại các vùng miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	110.258,599 ha	
3	Hỗ trợ phát triển sinh kế, cải thiện đời sống người dân vùng đệm của các khu rừng đặc dụng và rừng phòng hộ	0	
4	Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình nghèo tại các vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn tham gia trồng rừng sản xuất được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định hiện hành	0	
5	Hỗ trợ gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số tại các vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản	0	

	xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ, thực hiện trồng rừng thay thế nương rẫy để thay đổi tập quán canh tác du canh		
6	Hỗ trợ xây dựng nhân rộng mô hình phát triển kinh tế lâm nghiệp hiệu quả, bền vững	0	



PHỤ LỤC 02
TÌNH HÌNH TÔN GIÁO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /10/2025 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Tổ chức tôn giáo	Tổng số tín đồ	Tổng số chức sắc	Tổng số chức việc	Tổng số cơ sở tôn giáo	Số TCTG trực thuộc	Số điểm SHTGTT	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>	<i>G</i>			<i>H</i>
1	Phật giáo	227457	167	438	461	5	12	
2	Công giáo	228897	252	766	175	144	114	
3	Tin lành (đã được công nhận)	163310	281	1102	51			10 hội thánh
3.1	Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam)	154.420	230	1.070	50	81	176	
3.2	Hội truyền giáo Cơ đốc Việt Nam	5.316	39	31	1	3	13	
3.3	Hội thánh Menonite Việt Nam	240	4	0	0	0	2	
3.4	Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam	919	0	0	0	0	7	
3.5	Hội thánh Tin lành Trưởng lão Việt Nam	805	2	0	0	0	10	
3.6	Tổng hội Báp-tít Việt Nam	18	0	0	0	0		
3.7	Giáo hội Báp-tít Việt Nam	903	5	0	0	0		

STT	Tổ chức tôn giáo	Tổng số tín đồ	Tổng số chức sắc	Tổng số chức việc	Tổng số cơ sở tôn giáo	Số TCTG trực thuộc	Số điểm SHTGTT	Ghi chú
3.8	Giáo hội Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam	15	0	0	0	0		
3.9	Hội thánh Phúc âm toàn vẹn Việt Nam	291	1	1	0	0	3	
3.10	Hội thánh Tin Lành Liên hiệp Truyền giáo Việt Nam	383	0	0	0	0	3	
4	Cao đài	19384	726	303	61	58	2	05 hội thánh
4.1	Hội thánh Cao Đài Tây Ninh	8.457	51	43	22	11		
4.2	Hội thánh Cao Đài Chơn Lý	2.334	335	38	5	5		
4.3	Hội thánh Cao Đài Ban Chính Đạo	132	18	17	1	1		
4.4	Hội thánh Cao Đài Cầu Kho – Tam Quan	4.800	273	148	18	32		
4.5	Hội thánh Truyền giáo Cao Đài	3.661	52	57	17	9		
5	Giáo hội Phật đường Nam tông Minh sư đạo	321	1	7	6	2		
6	Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo	355	0	16	0	4		
7	Cộng đồng Tôn giáo Baha'í Việt Nam	34	0	9	0	2		
8	Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa	60	0	0	0	0		

STT	Tổ chức tôn giáo	Tổng số tín đồ	Tổng số chức sắc	Tổng số chức việc	Tổng số cơ sở tôn giáo	Số TCTG trực thuộc	Số điểm SHTGTT	Ghi chú
9	Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam	32	0	0	0	0	1	
	Tổng cộng	637650	1430	2641	757	299		
10	Các tôn giáo chưa được công nhận							
10.1	Pháp tạng Phật Giáo Việt Nam	20	0	0	0			
10.2	Tổ Tiên Chính Giáo Đại đạo sinh tồn	127	0	0	0			
10.3	Nhân Chứng Giê Hô Va	56	0	0	0			
	Tổng cộng	203	0	0	0			
11	Các tổ chức Tin Lành chưa được công nhận							
11.1	Hội thánh Truyền giảng Phúc Âm Việt Nam	429	0	0	0		3	
11.2	Liên đoàn Truyền giáo Phúc Âm Việt Nam	119	0	0	0		2	
11.3	Tin lành Thánh Khiết Việt Nam	2.196	0	0	0		16	
11.4	Hội thánh Giám lý Liên hiệp Việt Nam	673	0	0	0		10	

STT	Tổ chức tôn giáo	Tổng số tín đồ	Tổng số chức sắc	Tổng số chức việc	Tổng số cơ sở tôn giáo	Số TCTG trực thuộc	Số điểm SHTGTT	Ghi chú
11.5	Tin lành Giám lý Việt Nam	376	0	0	0		4	
11.6	Tin lành Báp tit Liên hiệp Việt Nam	311	0	0	0		3	
11.7	Tin lành Báp tit cộng đồng sắc tộc Việt Nam	70	0	0	0		1	
11.8	Tin lành Mennonite Việt Nam (chưa được công nhận)	499	0	0	0		1	
11.9	Tin lành Ngũ tuần Rhema	59	0	0	0			
11.10	Tin lành Phúc âm Đấng Christ	183	0	0	0		1	
11.11	Tin lành Phúc âm đời đời	137	0	0	0		2	
11.12	Tin lành Truyền giáo tin yêu Việt Nam	630	0	0	0		6	
11.13	Hội thánh Chúa Giêsu	200	0	0	0			
11.14	Tin lành Nazarene Việt Nam	27	0	0	0			
11.15	Hội thánh của Đức chúa trời trong sự khôi phục (Hội thánh anh em)	15	0	0	0			

STT	Tổ chức tôn giáo	Tổng số tín đồ	Tổng số chức sắc	Tổng số chức việc	Tổng số cơ sở tôn giáo	Số TCTG trực thuộc	Số điểm SHTGTT	Ghi chú
11.16	Hội thánh nhà muôn dân	4	0	0	0			
	Tổng cộng	5928	0	0	0			
Cộng:								

lha

Ghi chú: - Mục 6: Ghi rõ tên các tôn giáo chưa được công nhận tại mục 6.1, 6.2, ... và thống kê tổng số tín đồ và số địa điểm sinh hoạt tại Cột C và Cột G tương ứng.

PHỤ LỤC 03
TÌNH HÌNH TÍN NGƯỠNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /10/2025 của UBND tỉnh Gia Lai)

Cơ sở tín ngưỡng theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo							Tổng số cơ sở tư gia có hoạt động tín ngưỡng (không thuộc quy định tại Khoản 4 Điều 2 Luật TNTG)	Ghi chú
Tổng số	Trong đó							
	Số CSTN đã đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Số CSTN chưa đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Số CSTN đã có BQL, Người đại diện	Số CSTN chưa có BQL, Người đại diện	Số CSTN đã được xếp hạng hoặc được UBND cấp tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê di tích của địa phương	Số CSTN chưa được xếp hạng hoặc chưa được UBND cấp tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê di tích của địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2338	187	1755	490	1462	127	929		

Ghi chú:

Cột 1: Thống kê những cơ sở tín ngưỡng theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 Luật TNTG (là nơi thực hiện **hoạt động tín ngưỡng**)
Cột 8: Thống kê những cơ sở do cá nhân, tổ chức tạo lập trên đất không phải là đất tín ngưỡng để tổ chức các hoạt động tín ngưỡng
Cột 1 = (Cột 2 + Cột 3) = (Cột 4 + Cột 5) = (Cột 6 + Cột 7)

PHỤ LỤC 04

TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /10/2025 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành VBQPPL liên quan đến TNTG				Tình hình đảm bảo các điều kiện cho thi hành PL						Tình hình tuân thủ PL; thực hiện PL						Tình hình thực hiện Thủ tục hành chính				
	Văn bản quy định chi tiết thi hành VBQPPL liên quan đến TNTG		VB ban hành không kịp thời, đầy đủ, thống nhất, khả thi (Chỉ cần có một trong các lỗi trên cũng thống kê)		Hội nghị phổ biến pháp luật về TNTG		Hội nghị/lớp tập huấn; bồi dưỡng nghiệp vụ QLNN về TNTG		Tổng số CBCC làm công tác QLNN về TNTG	Tổng số kinh phí phục vụ công tác thi hành PL về TNTG trong năm	Vi phạm pháp luật liên quan đến TNTG của cơ quan nhà nước; CBCCVC		Vi phạm pháp luật liên quan đến TNTG của tổ chức, cơ sở tôn giáo		Vi phạm pháp luật liên quan đến TNTG của các cá nhân		Tổng số hồ sơ TTHC lĩnh vực TNTG đã tiếp nhận	Số hồ sơ đã giải quyết		Số hồ sơ chưa giải quyết	
	Tổng số	Trong đó VB QPPL	Tổng số	Trong đó VB QPPL	Số hội nghị	Số người tham dự	Số hội nghị/lớp	Số người tham dự			Tổng số vụ việc	Tổng số cơ quan, CBCC VC vi phạm	Tổng số vụ việc	Tổng số tổ chức, CSTG vi phạm	Tổng số vụ việc	Tổng số cá nhân vi phạm		Đúng hạn	Quá hạn	Quá thời hạn	Còn đang trong thời hạn
I	Cấp tỉnh																				
	1	1			4	700	2	224	15		0	0	0	0	0	0	58	43			13
II	Cấp xã																				
									190												
Cộng	1	1	0	0	4	700	2	224	205	0	0	0	0	0	0	0	58	43	0	0	13

(Chữ ký)